

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

V/v “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Nguyễn Ngọc Sương

Thư ký phiên tòa: ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 06-5-2019, về việc “*Yêu cầu ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-02-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tú T, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyen, Tony K, sinh năm 1971; quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: Keel Ridge Rd, Hermitage, PA 16148, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Tú T trình bày:

Khoảng năm 2012, bà T quen biết ông K. Sau thời gian tìm hiểu, hai người nảy sinh tình cảm với nhau, năm 2017 quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Sau khi sống chung được 01 tháng ông K trở về Mỹ, ông K có làm thủ tục để bảo lãnh cho bà T sang Mỹ, tuy nhiên bà T không qua được kỳ phỏng vấn của đại sứ quán Mỹ nên bà T không sang Mỹ được, thời gian đầu bà T và ông K còn liên lạc qua điện thoại sau đó ít dần, khoảng đầu tháng 01 năm 2019 bà T và ông K không còn liên lạc với nhau. Nay bà T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen, Tony K để có thể tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Bà T và ông K không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyen, Tony K: Sau khi thụ lý vụ án yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Tú T, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý, nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T cho bị đơn ông Nguyen, Tony K. Đến nay, Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản ý kiến của ông K về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T.

Căn cứ Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử vắng mặt ông Nguyen, Tony K.

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với ông Nguyen, Tony K.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã thực hiện đúng thủ tục ủy thác tư pháp cho ông Nguyen, Tony K, nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyen, Tony K là có cơ sở. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyen, Tony K; bị đơn ông Nguyen, Tony K đang cư trú sinh sống ở nước ngoài (Mỹ), căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà; bị đơn ông Nguyen, Tony K vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Nguyen, Tony K.

[2]. Bà Nguyễn Tú T và ông Nguyen, Tony K yêu thương nhau, trên cơ sở tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-3-2017, hôn nhân giữa bà T và ông K là tự nguyện và hợp pháp. Thời gian sống chung của vợ chồng chỉ được 01 tháng, sau đó ông K về Mỹ và làm thủ tục bảo lãnh cho bà T sang Mỹ nhưng không được cũng từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau, đến đầu năm 2019 vợ chồng chấm dứt không còn liên lạc nữa. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông K.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông K theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K thời gian sống chung vợ chồng không nhiều, khoảng cách địa lý quá xa nên khó hàn gắn tình cảm, thực tế hai người đã không còn liên lạc hay quan tâm đến cuộc sống của nhau trong thời gian dài (từ đầu năm 2019 đến nay), mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K.

Về con chung: bà T xác nhận bà và ông K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú T đối với ông Nguyen, Tony K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tú T được ly hôn với ông Nguyen, Tony K.

Về con chung: bà Nguyễn Tú T xác nhận bà và ông Nguyen, Tony K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Tú T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0008386 ngày 04-5-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Tú T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật; ông Nguyen, Tony K có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THA tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hiếu

